

ẢN DỤ Ý NIỆM VỀ HÔN NHÂN TỪ LƯỢC ĐỒ HÌNH ẢNH VẬT CHỨA TRONG TIẾNG VIỆT (trên cứ liệu văn xuôi Việt Nam từ 1986 đến nay)

VŨ HOÀNG CÚC*

Abstract: The article is based on conceptual metaphor theory in general, container schema theory in particular to analyze the characteristics of container image schema and Vietnamese people's conceptual metaphors of marriage.. The selected corpus are linguistic expressions of the conceptual metaphor of marriage whose source domain is CONTAINER in Vietnamese prose from 1986 to present. Research results show that Vietnamese people have used the container image scheme to conceptualize two opposing aspects of marriage in human life, specifically, they use the conceptual metaphor MARRIAGE IS A HOUSE to depict the constructive process and the protective role of marriage for people; the conceptual metaphor MARRIAGE IS A PRISON to structure the restrictions of marriage on the human being - one of the downsides of marriage.

Key words: *conceptual metaphor, marriage, container, image schema, Vietnamese.*

1. Mở đầu

Theo Kövecses [9], quá trình tạo ra ẩn dụ ý niệm (ADYN) là một quá trình tự nhiên, xảy ra đồng thời dưới hai áp lực: áp lực của sự nghiệm thân và áp lực của văn cảnh (context). Văn cảnh được xác định bởi văn hóa vùng miền (local culture). Áp lực kép này, về cơ bản, chẳng khác gì nỗ lực của chúng ta để kết nối cơ thể với văn hóa - sự kết nối giữa sự nghiệm thân mang tính phổ quát với đặc thù của văn hóa vùng miền trong quá trình ý niệm hóa ẩn dụ.

Lược đồ vật chứa là cơ sở hình thành của rất nhiều ADYN trong các ngôn ngữ trên thế giới. Tuy nhiên, việc dùng lược đồ này làm miền nguồn trong từng ADYN cụ thể phụ thuộc vào các yếu tố văn hóa khác nhau. Bởi vậy, khám phá ADYN về hôn nhân nói chung, ADYN về hôn nhân có miền nguồn VẬT CHỨA trong tiếng Việt nói riêng là công việc hết sức thú vị. Nó không những dẫn ta đến những cánh cửa mở ra sự bất ngờ về những nhận thức, suy nghĩ của người Việt về hôn nhân mà còn cho chúng ta thấy dấu ấn văn hóa của dân tộc in đậm trong cách tư duy về hôn nhân ấy.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm ẩn dụ ý niệm

Trong *A glossary of cognitive linguistic* (Từ điển ngôn ngữ học tri nhận), Evans định nghĩa ADYN là: Một hình thức phóng chiếu mang tính ý niệm liên quan đến sự ánh xạ hoặc sự tổ chức tương ứng giữa hai miền ý niệm riêng biệt. Ẩn dụ ý niệm thường bao gồm một loạt các ánh xạ thông thường liên quan đến các khía cạnh của hai miền ý niệm riêng biệt. Mục đích của một tập hợp ánh xạ là để cung cấp cấu trúc từ một miền ý niệm, miền nguồn, bằng cách chiếu cấu trúc lên miền ý niệm đích. Điều này cho phép những suy luận của miền nguồn được áp dụng cho miền đích. Vì lý do này, các ẩn dụ ý

* Trường Đại học Tây Nguyên

niệm được tuyên bố là công cụ cơ bản và không thể thiếu của tư duy. (“A form of conceptual projection involving mappings or correspondences holding between distinct conceptual domains. Conceptual metaphors often consist of a series of conventional mappings which relate aspects of two distinct conceptual domains. The purpose of such a set of mappings is to provide structure from one conceptual domain, the source domain, by projecting the structure onto the target domain. This allows inferences which hold in the source to be applied to the target. For this reason, conceptual metaphors are claimed to be a basic and indispensable instrument of thought” [8, tr.136].

Như vậy, ADYN là công cụ của tư duy, thể hiện cách ý niệm của con người về các sự vật và hiện tượng xảy ra trong cuộc sống, là cách chúng ta hiểu và trải nghiệm một miền ý niệm này bằng một miền ý niệm khác. ADYN có mặt ở tất cả các lĩnh vực của đời sống con người. Một ADYN luôn có cấu trúc MIỀN ĐÍCH LÀ MIỀN NGUỒN, trong đó, miền đích (MD) thường mơ hồ, khó hiểu; miền nguồn (MN) thường cụ thể hữu hình hơn MD; MD được làm rõ bởi MN. Sự ánh xạ từ MN đến MD mang tính chất bộ phận, nghĩa là một số thuộc tính được ưu tiên phóng chiếu từ MN đến MD trong khi một số thuộc tính khác thì không.

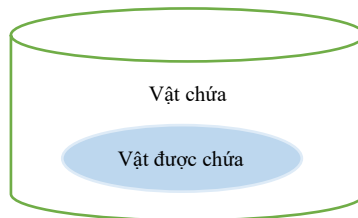
2.2. *Lược đồ hình ảnh là những khái niệm đầu tiên xuất hiện trong tư duy của chúng ta, chúng đặt nền tảng cho hệ thống ý niệm*

Johnson cho rằng: Lược đồ hình ảnh là một dạng cấu trúc hình thức (gestalt structure) biểu thị toàn bộ những hiểu biết và kinh nghiệm được tổ chức và hợp nhất của chúng ta. Những hiểu biết và kinh nghiệm này là các mô hình, cấu trúc được lặp lại. Lược đồ hình ảnh là hình thức mang tính kinh nghiệm có cấu trúc nội tại - cái mà nối kết các khía cạnh trong kinh nghiệm của chúng ta và dẫn đến những kết luận trong hệ thống ý niệm của chúng ta [11, tr.44]. Lược đồ hình ảnh rất đa dạng, chẳng hạn lược đồ vật chứa (container), đường đi (path), vật thể (object), lực đối kháng (counterforce), trung tâm - ngoại vi (center - periphery), khối - đếm được (mass - count), v.v... [11, tr.126].

Như vậy, lược đồ hình ảnh được hình thành từ sự trải nghiệm mang tính nghiệm thân của con người. Cụ thể là từ những trải nghiệm vật lí được tái diễn liên tục trong một loạt hoạt động hàng ngày của chúng ta. Sự lặp lại của các trải nghiệm hình thành nên lược đồ hình ảnh. Đến lượt mình, các lược đồ hình ảnh lại đảm nhận vai trò là cơ sở của các ý niệm khác trong tư duy của con người, ví dụ như, từ lược đồ khối lượng - việc đếm (mass - count), chúng ta có các ý niệm cụ thể như: CHẤT LƯỢNG LÀ SỐ LƯỢNG, NHIỀU HƠN THÌ TỐT HƠN; hay từ lược đồ đường đi (path), chúng ta có các ý niệm như: CUỘC ĐỜI LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, HÔN NHÂN LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH.

2.3. Lược đồ vật chứa là một trong những lược đồ cơ bản của các ADYN. Lược đồ này được hình thành dựa trên những trải nghiệm vật lí của chúng ta về vật chứa. Vật chứa có mô hình như sau:

Hình 1. Lược đồ hình ảnh
vật chứa



Vật chứa xác lập mốc không gian rõ ràng: bên trong và bên ngoài. Vật chứa sẽ giới hạn không gian đối với cái mà nó chứa đựng, làm cho đối tượng đó tách biệt hoàn toàn với không gian bên ngoài.

Chúng ta thường có xu hướng xây dựng các ADYN theo lược đồ này để ý niệm hóa các mối quan hệ trong đời sống. Tương tự như vật chứa, các mối quan hệ cũng chứa đựng chúng ta, xác định ranh giới bên trong bên ngoài, tách biệt chúng ta với các mối quan hệ khác. Hàng ngày, chúng ta vẫn dùng các từ *trong*, *ngoài* vốn dùng để định vị không gian của vật chứa để biểu thị vị trí của ai đó trong các mối quan hệ tình cảm, ví dụ như *trong tình yêu*, *trong hôn nhân*... Với các mối quan hệ tình cảm, chúng ta vẫn *bước vào*, *bước ra* một cách rất tự nhiên, ví dụ như: *bước vào tình yêu*, *bước vào hôn nhân*, *ra khỏi cuộc hôn nhân*, v.v...

2.4. Ngữ liệu được lựa chọn trong bài viết là các biểu thức ngôn ngữ của ADYN về hôn nhân có miền nguồn VẬT CHỨA trong văn xuôi Việt Nam từ 1986 đến nay.

3. Ấn dụ ý niệm về hôn nhân có miền nguồn VẬT CHỨA trong tiếng Việt

Từ những kinh nghiệm mang tính nghiệm thân về vật chứa, người Việt đã cấu trúc hóa hôn nhân bằng ADYN HÔN NHÂN LÀ VẬT CHỨA. Động lực hình thành nên ADYN này là sự tương đồng trong cấu trúc được cảm nhận giữa hôn nhân và vật chứa. Hôn nhân giống vật chứa ở đặc điểm định hình ranh giới hoạt động của con người và chứa đựng con người. Vì sự ánh xạ từ MN đến MĐ mang tính chất bộ phận, bởi vậy, MN VẬT CHỨA có rất nhiều thuộc tính: *vật thể hữu hình, có thể tích, có diện tích, có không gian bên trong và bên ngoài, bao chứa vật khác*... nhưng chỉ một số thuộc tính ánh xạ qua MĐ HÔN NHÂN. Cụ thể trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Mô hình ánh xạ của ấn dụ ý niệm HÔN NHÂN LÀ VẬT CHỨA

Miền nguồn (Vật chứa)		Miền đích (Hôn nhân)
Vật chứa	→	Cuộc hôn nhân
Trong vật chứa	→	Trong hôn nhân
Ngoài vật chứa	→	Ngoài hôn nhân
Bao chứa vật khác	→	Định ra giới hạn hoạt động đối với người đã kết hôn

Trong mô hình ánh xạ trên, các đặc tính *vật chứa*, *trong vật chứa*, *ngoài vật chứa*, *bao vật chứa* của MN VẬT CHỨA được ánh xạ qua MĐ HÔN NHÂN và lần lượt tương ứng với các đặc tính *cuộc hôn nhân*, *trong hôn nhân*, *ngoài hôn nhân*, *định ra giới hạn hoạt động đối với người đã kết hôn*.

Hôn nhân giống như vật chứa, nó định hình không gian: trong - ngoài, tạo ra một khu vực giới hạn đối với hoạt động của những người tồn tại trong nó. Không gian mà hôn nhân tạo ra là không gian chứa đựng chỉ hai cá nhân: người chồng - người vợ. Trong không gian này, họ phải thực hiện các trách nhiệm đã cam kết với nhau và các bổn phận mà hôn nhân quy định cho cuộc sống chung. Hôn nhân dựng nên một không gian vô hình nhưng lại rất rõ ràng đối với người đã kết hôn. Bởi thế, chúng ta dùng những từ chỉ vị trí *trong*, *ngoài* vốn thuộc về trường nghĩa chỉ không gian hữu hình để nói về hôn nhân như một lễ thường:

- (1) *Đôi vợ chồng hục hặc trong đời sống hôn nhân.* (17, tr.223)
- (2) *Ở năm thứ hai trong cuộc sống hôn nhân, cái nhếch mép của anh càng rõ ràng hơn.* (20, tr.18)
- (3) *Chị - người đàn bà xấu số từng bất hạnh trong hôn nhân, từng là nạn nhân của những trận bạo hành.* (11, tr.152)
- (4) *Đàn bà, dù trong hôn nhân hay ngoài hôn nhân, đều mong được là com nóng.* (22, tr.47)
- (5) *Anh phải dọn ra ở riêng nơi khác, đồng nghĩa cũng tự do hơn với những mối tình ngoài hôn nhân của mình.* (14, tr.100)

Vì xem hôn nhân là một vật bao chứa, bởi vậy, những biểu thức ngôn từ nói về hôn nhân cũng giống những biểu thức miêu tả đặc điểm của vật bao chứa. Chúng ta không chỉ miêu tả chỉ giới không gian *trong - ngoài* của hôn nhân mà còn gọi việc kết hôn là *bước vào* hôn nhân và li hôn là *bước ra, thoát ra* khỏi hôn nhân. Không ai trong chúng ta cảm thấy “lạ tai” khi nghe đến việc người ta vào, ra hôn nhân như thế.

(6) *Chị mang vào hôn nhân tất cả tình yêu say đắm và lớn lao của chị.* (20, tr.133)

(7) *Ở những nhà này, thường thì “con chị đi, con dì lớn”, lần lượt hôn hờ xếp hàng vào hôn nhân.* (7, tr.191).

(8) *Không ai bước chân vào hôn nhân mà khi đổ vỡ lại sung sướng, hả hê.* (10, tr.69)

(9) *Ta chỉ yêu một người, vì thế khi đã quyết định cùng ai đó bước chân vào hôn nhân thì ta sẽ không còn lựa chọn nào tối ưu hơn nữa.* (23, tr.27)

(10) *...đang cứu rỗi cuộc đời của một người đàn ông ra khỏi cuộc hôn nhân đầy bất hạnh.* (16, tr.37)

(11) *Nó sẽ lập tức đuổi cổ tôi ra khỏi cuộc hôn nhân bất đắc dĩ.* (2, tr.59)

(12) *Những người đang gần như ngạt thở trong một cuộc hôn nhân không hạnh phúc mà chưa có sức mạnh nào lôi họ ra khỏi đó, họ tưởng tượng cuộc sống của tôi thường xuyên.* (4, tr.204)

Như vậy, các đặc điểm về giới hạn *trong, ngoài*, đặc điểm về sự bao chứa của miền nguồn VẬT CHỨA ánh xạ qua miền đích HÔN NHÂN thực sự đã hữu hình hóa, cụ thể hóa không gian mà hôn nhân đã vạch rõ ranh giới cho hoạt động cho các cặp đôi khi đã kết hôn. Nếu họ *thuận vợ thuận chồng*, thì cái không gian sống ấy là không gian lí tưởng, hạnh phúc, viên mãn; ngược lại, nếu họ *trống đánh xuôi, kèn thổi ngược* thì cái không gian đầy giới hạn ấy thực sự là ngột ngạt, bí bách và trong nhiều trường hợp, hôn nhân đã trở thành nỗi bất hạnh, đau khổ khiến họ phải tìm cách thoát ra khỏi đó.

Từ ADYN HÔN NHÂN LÀ VẬT CHỨA, người Việt cụ thể hai thái cực đối lập trong chức năng bao chứa của hôn nhân bằng hai ADYN bậc dưới là HÔN NHÂN LÀ NGÔI NHÀ và HÔN NHÂN LÀ NGỤC TÙ. Nếu như ADYN HÔN NHÂN LÀ NGÔI NHÀ cho thấy mặt tích cực thì ADYN HÔN NHÂN LÀ NGỤC TÙ lại cho thấy mặt tiêu cực của chức năng ấy.

ADYN HÔN NHÂN LÀ NGÔI NHÀ được xây dựng dựa trên những kinh nghiệm mang tính nghiệm thân của con người về ngôi nhà - vật bao chứa, che chở con người hàng ngày. Vậy tại sao người Việt không dùng những nhận thức, kinh nghiệm nghiệm thân về vật chứa khác để khắc họa sự bao chứa, bảo vệ của hôn nhân thay vì chọn ngôi nhà? Câu trả lời là vì ngôi nhà có một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống và văn hóa người Việt. Với nền nông nghiệp trồng lúa nước, từ xa xưa, ông cha ta đã phải định canh định cư, bởi vậy, ngôi nhà là yếu tố phải quan tâm trước hết. Thêm nữa, với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nắng lắm, mưa nhiều, thiên nhiên buộc người Việt phải coi trọng nhà cửa, phải có nhà để tránh nắng, tránh mưa. Theo lí thuyết ADYN, một sự vật được con người chọn để làm miền nguồn khắc họa sự vật, hiện tượng khác khi nó thỏa mãn các điều kiện: hoặc xuất hiện trước hết, hoặc có tầm ảnh hưởng lớn nhất, hoặc xuất hiện liên tục, hoặc hội tụ cả hai hay ba điều kiện trên. Với người cư dân nông nghiệp, ngôi nhà hội tụ cả ba điều kiện trên.

Động lực thúc đẩy người Việt xây dựng cấu trúc của ADYN HÔN NHÂN LÀ NGÔI NHÀ là sự tương đồng trong cấu trúc được cảm nhận về vai trò bao chứa con người của hôn nhân và ngôi nhà. Tri nhận HÔN NHÂN LÀ MỘT NGÔI NHÀ, bởi vậy, người Việt đã dùng rất nhiều biểu thức ngôn ngữ nói về nhà cửa để miêu tả hôn nhân. Hôn nhân là ngôi nhà để người ta tá túc, trú ngụ. Kết hôn được cho là bước qua ngưỡng cửa của ngôi nhà để đi vào bên trong; li hôn là bước ra khỏi ngôi nhà. Việc

xây dựng, gìn giữ hôn nhân được ý niệm bằng việc xây nhà cửa. Việc li hôn được ý niệm bằng việc dỡ bỏ nhà cửa, bán nhà hoặc là sự sụp đổ của nhà cửa.

(13) Điều đó khiến họ như kẻ **tá túc trong hôn nhân**. Những kẻ ở trọ thì bạn cũng biết rồi đó, cuộc đời này đối với họ chỉ là tạm bợ (2, tr.212-213)

(14) Và họ **bán một căn “hôn nhân”** để mua hai căn “ly hôn” mới (8, tr.215).

(15) Vốn dĩ tự thân **cuộc hôn nhân** ấy cũng đã **cần dỡ bỏ** lắm rồi. Con say nắng chỉ là tác nhân khiến cho quá trình ấy đến nhanh và dứt điểm hơn thôi (1, tr.84)

(16) Bản thân mình cũng đã từng tự nguyện từ bỏ những điều gì khác trước **ngưỡng cửa hôn nhân** (8, tr.184)

(17) **Hôn nhân của họ sụp đổ** vào một ngày đẹp trời mà chẳng cần bất cứ lý do gì to tát (9, tr.71)

(18) Những người phụ nữ **xách va ly ra khỏi cuộc hôn nhân**, họ không chỉ tìm một căn hộ mới, họ muốn tìm một cuộc sống mới (8, tr.215)

ADYN HÔN NHÂN LÀ NGỤC TÙ được xây dựng từ những nhận thức, kinh nghiệm mang tính nghiệm thân của con người về ngục tù. Động lực hình thành của ADYN này là sự tương đồng tri nhận về sự mất tự do trong hôn nhân và mất tự do trong tù ngục. Đây là ADYN mang tính phổ quát, nó không chỉ xuất hiện trong tiếng Việt mà còn có mặt trong nhiều ngôn ngữ khác. Nhiều dân tộc đã dùng những nhận thức, hiểu biết của mình về tù ngục để ý niệm hóa tình trạng bị bó buộc, kìm hãm, mất tự do mà hôn nhân mang đến cho con người. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều ví dụ về ADYN HÔN NHÂN LÀ NGỤC TÙ trong các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau. Trong tiếng Anh, kết hôn được biểu đạt bằng các ngữ cố định *to get hitched* (nhận lấy sự ràng buộc), *to tie the knot* (thắt một cái nút). Tiếng Trung cũng có cách nói tương tự, ví dụ: 每個人都有自己獨立的個性和生活的空間, 婚姻不應該是枷鎖和牢籠 (dẫn theo Winifred Yuk Ying Leung [13, tr.26]) (Mỗi người đều có cá tính và không gian sống riêng, hôn nhân không nên là xiềng xích và lồng nhốt).

Hôn nhân không đơn thuần là sự kết hợp của hai người yêu nhau mà luôn đi kèm với trách nhiệm, bổn phận và được đảm bảo bởi pháp luật. Hôn nhân có thể trở thành “nơi giam giữ và quản thúc”, làm chúng ta mất tự do cá nhân và “buộc” chúng ta phải tuân theo rất nhiều “quy định”. Bởi vậy, hôn nhân khiến con người cảm thấy mình bị quản thúc bởi người khác, bị mất quyền tự chủ, thậm chí thấy bức bối, ngột ngạt, khó chịu, muốn trốn chạy (đối với cuộc hôn nhân đã hết tình hết nghĩa). Bởi vậy, người ta xem hôn nhân là đưa mình vào nơi giam cầm:

(19) Tao sẽ giữ nàng bằng tình yêu của tao, chứ không phải bằng **gông xiềng của hôn nhân** (13, tr.162)

(20) Hai chục tuổi ranh, dại gì mà vội **mang gông đeo cổ**. Xấu như tôi mà còn lấy được chồng nữa là. (18, tr. 152)

(21) **Cuộc đời họ bị xích vào một cuộc hôn nhân** gượng ép. (3, tr.302)

(22) Oách nhất là vô tư thoải mái trước khi lấy vợ. Cho biết hết trò thiên hạ đi. Rồi **chung thân với con vợ hôi đủ các kiểu**. (5, tr.45)

(23) Rồi một ngày đẹp trời, hắn cũng **“đeo gông”** như tôi... Hắn sẽ ném hương vị **“tù ngục”** và thông cảm cho người khác. Chứ cái kiểu chạy rong như hắn, nếu không **vướng vào “lao lý”** làm sao hắn bỏ qua cho tôi được... Hắn và tôi đóng vai những ông chồng tốt. (17, tr.86-87)

(24) Biết đâu hăm tám năm chung sống đối với anh chẳng là một **sự lưu đày**. (19, tr.290)

(25) Trâu quá sá mạ quá thì... nghe lão dở ngon dở ngọt, phải **buộc thân tôi vào lão**... thành **con tù khổ sai chung thân**... hầu hạ lão suốt đời. (25, tr.265)

Các từ ngữ ngục, lưu đày, chung thân, đeo gông, mang gông, bị xích xiềng, vướng vào lao lý, tù khổ sai chung thân... vốn thuộc trường nghĩa ngục tù được sử dụng để gọi tên hôn nhân, đặc biệt là hôn nhân bất hạnh. Và như một lẽ tất yếu, các biểu thức ngôn ngữ vốn dùng để chỉ sự “phóng thích” ra khỏi tù ngục được dùng để chỉ việc li hôn.

(26) Anh vừa **thoát cuộc sống gia đình**. Thịnh thoảng đón thẳng cu, chăm sóc nó là anh thấy sung sướng. Anh chưa tưởng tượng ra mình sẽ lấy vợ và lại đẻ con. Đó là cả một sự mạo hiểm. (12, tr.226)

(27) Với lòng tin chồng tuyệt đối, tôi vẫn dấn dò, chỉ cần bao giờ có người yêu mới, anh báo cho em là em **trả tự do** cho anh ngay. (15, tr.99)

(28) Anh đã nộp đơn li hôn ra tòa... Con cái đã lớn, đi xa hết rồi. Anh **muốn được sống tự do** những ngày cuối đời, được làm những gì mình thích. (14, tr.126)

(29) Con có thể chấm dứt mối hôn nhân hiện tại bằng một tờ giấy trên tòa, nhận được sự **giải thoát cho cả hai**. (24, tr.140)

Như vậy, trong tâm thức của người Việt, HÔN NHÂN LÀ VẬT CHỨA, con người có thể ở bên trong, ở bên ngoài, bước vào hoặc bước ra khỏi hôn nhân tựa như các hoạt động đối với một vật chứa. ADYN HÔN NHÂN LÀ VẬT CHỨA được kích hoạt bởi sự tương đồng tri nhận của con người về hai miền ý niệm hôn nhân và vật chứa. Hôn nhân giống vật chứa ở hai đặc điểm cơ bản, một là chứa đựng, hai là định hình ranh giới. Các đặc điểm này lần lượt được cụ thể hóa bởi hai ADYN bậc dưới của ADYN HÔN NHÂN LÀ VẬT CHỨA. Đặc điểm chứa đựng, bao bọc và bảo vệ con người được biểu hiện ở ADYN HÔN NHÂN LÀ NGÔI NHÀ; đặc điểm định hình ranh giới, hạn định không gian hoạt động được chi tiết hóa bằng ADYN HÔN NHÂN LÀ NGỤC TÙ. Các ADYN có MN VẬT CHỨA này đều chịu sự chi phối của yếu tố văn hóa.

4. Kết luận

Tóm lại, dựa trên sự tương đồng tri nhận về hôn nhân và vật chứa, người Việt đã dùng những hiểu biết của mình về vật chứa để cắt nghĩa hôn nhân qua ADYN HÔN NHÂN LÀ VẬT CHỨA và hai ADYN bậc dưới, gồm HÔN NHÂN LÀ NGÔI NHÀ và HÔN NHÂN LÀ NGỤC TÙ. Các ADYN có MN VẬT CHỨA này cho thấy quan niệm về hai thái cực chứa đựng đối lập nhau của hôn nhân đối với con người, hôn nhân có thể là nơi che chở, bảo vệ nhưng cũng có thể là nơi giam cầm, tước đoạt đi quyền tự do của mỗi cá nhân. Việc ý niệm hóa hôn nhân bằng ngôi nhà phản ánh nét văn hóa đặc thù của người Việt, cư dân của nền văn nông nghiệp trồng lúa nước. Việc ý niệm hóa hôn nhân bằng ngục tù phản ánh những nhận thức chung mang tính phổ quát của văn hóa nhân loại.

NGUỒN NGŨ LIỆU

1. Ann Lee, *Tuổi 40 yêu dấu*, Nxb Trẻ, 2019.
2. Nguyễn Nhật Ánh, *Cảm ơn người lớn*, Nxb Trẻ, 2018.
3. Nguyễn Nhật Ánh, *Ngày xưa có một chuyện tình*, Nxb Trẻ, 2018.
4. Chúy, *Em đồng ý ly hôn*, Nxb Lao động, 2017.
5. Võ Thị Xuân Hà, *Thế giới tối đen*, Nxb Hội Nhà văn, 2009.
6. Võ Thị Xuân Hà, *Chuyện của các nhân vật có thật trên đời*, Nxb Trẻ, 2018.
7. Nguyễn Việt Hà, *Đàn bà uống rượu*, Nxb Hội Nhà văn, 2010.
8. Trang Hạ, *Đàn bà tuổi 30*, Nxb Phụ nữ, 2015.
9. Nguyễn Quỳnh Hương, *Trái tim đàn bà*, Nxb Phụ nữ, 2017.

10. Võ Thu Hương, *Đó là tình yêu*, Nxb Trẻ, 2012.
11. Bùi Ngọc Thanh Lan, *Em sẽ nuôi con chúng ta*, Nxb Hồng Đức, 2019.
12. Sương Nguyệt Minh (tuyển chọn), *Truyện ngắn 5 tác giả nữ*, Nxb Văn học, 2015.
13. Nguyễn Thiên Ngân, *Những chuyến điệu*, Nxb Trẻ, 2013.
14. Dona Đỗ Ngọc, *ADN tình yêu*, Nxb Phụ nữ, 2017.
15. Nguyễn Thị Minh Ngọc, *Ký sự người đàn bà bị chồng bỏ*, Nxb Trẻ, 2020.
16. Tuệ Nghi, *Đàn ông hay hứa, phụ nữ hay tin*, Nxb Văn học, 2017.
17. Hồ Anh Thái (tuyển), *Văn mới 2014-2015*, Nxb Trẻ, 2015.
18. Hồ Anh Thái, *Tự kể*, Nxb Trẻ, 2016.
19. Trần Thị Thắng, Nguyễn Thị Như Trang, Nguyễn Ngọc Tú & Trần Thị Trường (Tuyển chọn và giới thiệu), *Truyện ngắn của các nhà văn nữ Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 2003.
20. Nguyễn Quang Thiều, *Trong căn phòng một người bại liệt*, Nxb Hội Nhà văn, 2016.
21. Nguyễn Ngọc Thuần, *Về cô gái này*, Nxb Trẻ, 2015.
22. Lê Quỳnh Thư, *Phố đàn bà*, Nxb Trẻ, 2015.
23. Hamlet Trương - Iris Cao, *Thương nhau để đó*, (Tái bản lần thứ 13), Nxb Văn học, 2015.
24. Tú, *Con ngủ đi con*, Nxb Lao động, 2016.
25. Trần Mạnh Tuấn, *Ngoại tình*, Nxb Hội nhà văn, 2019.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lakoff, G và Johnson, M., *Chúng ta sống bằng ẩn dụ*, (Nguyễn Thị Kiều Thu dịch), Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.
2. Lee, D., *Dẫn luận Ngôn ngữ học tri nhận*, (Nguyễn Văn Hiệp và Nguyễn Hoàng An dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
3. Triệu Diễm Phương, *Dẫn Luận Ngôn ngữ học tri nhận*, (Đào Thị Hà Ninh dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.
4. Trịnh Sâm, *Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Việt*, *Ngôn ngữ*, Số 12, tr.1-15, 2011.
5. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, (Tái bản lần thứ 2), Nxb Giáo dục, 2000.
6. Tyler A. & Evans V., *Ngữ nghĩa giới từ tiếng Anh*, (Lâm Quang Đông & Nguyễn Minh Hà dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.
7. Trần Quốc Vượng (Chủ biên), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, (Tái bản lần thứ 8), Nxb Giáo dục Việt Nam, 2006.

Tiếng Anh

8. Evans, V., *A glossary of cognitive linguistic*, Edinburgh University Press, 2007.
9. Kövecses, Z., *Metaphors in culture: Universality and variation*, Cambridge University Press, 2005.
10. Kövecses, Z., *Metaphor: A practical introduction*, Oxford University Press, 2010.
11. Johnson, M., *The body in the mind: The bodily basis of meaning, imagination, and reason*, University of Chicago Press, 1987.
12. Lakoff, G. & Johnson, M., *Metaphor we live by* (Second edition), University of Chicago Press, 2003.
13. Winifred, Y. Y. L., *A contrastive study of Chinese and English metaphors of marriage*, 2008.
<https://english.hku.hk/LCOM%20paper/LCOM%20papers%20new,%20rev/2008%20vol1/2%20Metaphors%20Marriage.pdf>, ngày truy cập 25/10/2021.